



Phân tích hệ thống giám sát tài chính ngân hàng Việt Nam

NGUYỄN CHÍ ĐỨC – HOÀNG TRỌNG

Một hệ thống giám sát tài chính (GSTC) ngân hàng quốc gia hoạt động có hiệu quả là hệ thống đó thực hiện được các mục tiêu cụ thể phù hợp với hoàn cảnh của quốc gia mỗi mục tiêu cụ thể bao gồm một số chỉ tiêu giám sát. Việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu GSTC ngân hàng là hạt nhân quan trọng của toàn bộ quá trình phân tích định lượng phục vụ cho hoạt động GSTC. Nghiên cứu này xuất phát từ ý tưởng: xây dựng một hệ thống chỉ tiêu GSTC, vận dụng phương pháp phân tích nhân tố tiến hành phân tích nhân tố cấu thành và tìm ra trọng số của các nhân tố này trong chỉ số tổng hợp GSTC phản ánh hiệu quả hoạt động GSTC nước ta trong thời gian vừa qua; cuối cùng, kết luận về tình hình GSTC tại Việt Nam hiện nay và kiến nghị đề ra chính sách.

1. Sự cần thiết của nghiên cứu

Như thế nào là 1 hệ thống GSTC ngân hàng có hiệu quả đã được nhiều học giả nước ngoài đề cập

và nghiên cứu, chính phủ các quốc gia trên thế giới quan tâm, nhưng các cuộc khủng hoảng tài chính ngân hàng vẫn liên tục xảy ra như là xu thế không thể ngăn cản. Gần đây nhất là khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009, đã đổ vỡ hàng loạt hệ thống ngân hàng, mất giá chứng khoán và mất giá tiền tệ trên quy mô lớn ở nhiều nước trên thế giới, nguyên nhân bắt đầu từ hiện tượng bong bóng nhà ở cùng với hệ thống GSTC thiếu hoàn thiện ở Mỹ. Từ cuộc khủng hoảng lần này, các nhà làm chính sách và các học giả lại phải tiếp tục nghiên cứu để xây dựng 1 hệ thống GSTC ngân hàng có hiệu quả hơn và phù hợp với thời đại.

Hệ thống giám sát ngân hàng gồm yếu tố sau: cơ quan giám sát của nhà nước, cơ chế kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, kỷ luật thị trường (market discipline), cơ chế hợp tác giám sát quốc tế, và các thành phần khác như: tổ chức bảo hiểm tiền gửi, hội ngành tài chính ngân hàng, các tổ chức đánh giá tín nhiệm,...(theo kết cấu luận văn “Xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng Việt Nam và bài học từ Trung Quốc” của NCS Nguyễn Chí Đức đang theo học tại Trường Doctorate Thượng Hải – Trung Quốc).

Việc quá đề cao kỷ luật tự thân của thị trường hay quá dựa dẫm vào hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp trong khi lại không chú trọng đúng mức tới vai trò điều tiết và giám sát của Nhà nước là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới khủng hoảng. Vì vậy, để phát huy tác dụng của hệ thống giám sát ngân hàng cần phải có sự tham gia và hợp tác đầy đủ của các chủ thể. Trong đó, cơ quan giám sát của nhà nước đóng vai trò chủ chốt.

GSTC ngân hàng của nhà nước là những hành vi giám sát và khống chế của các cơ quan giám sát đối với hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD), đảm bảo sự an toàn và phát triển lành mạnh của hệ thống tài chính ngân hàng, khống chế rủi ro hệ thống. Ở Việt Nam, nghiên cứu vấn đề này trên cơ sở phân tích định tính đã đạt được nhiều kết quả, nhưng vấn đề xây dựng một khung nền tảng

phân tích định lượng các chỉ tiêu GSTC thì chưa giải quyết được, trong tương lai đây sẽ là một xu thế nghiên cứu chủ yếu tại Việt Nam.

Một khung nền tảng phân tích định lượng các chỉ tiêu GSTC một cách hệ thống là lấy các mục tiêu cụ thể của GSTC kết hợp lại, đánh giá hiệu quả GSTC nên bao gồm đánh giá hiệu quả của từng mục tiêu, và cũng phải đánh giá hiệu quả tổng thể của tất cả các mục tiêu. Do đó, tác giả đề xuất “hệ thống chỉ tiêu GSTC”, phản ánh hiệu quả GSTC do một số chỉ tiêu GSTC đặc trưng cấu thành. Hệ thống này là các chỉ số qua thời gian phản ánh mối quan hệ hữu cơ của các chỉ tiêu GSTC và phản ánh được hiệu quả tổng thể của GSTC.

2. Mục tiêu và mô hình của GSTC

Mục tiêu GSTC là tiền đề của việc thực hiện giám sát hiệu quả và là căn cứ để cơ quan GSTC áp dụng các hành động giám sát. Theo Diệp Vĩnh Cương và Trương Bồi (2009), thì một hệ thống GSTC có 4 mục tiêu cụ thể: ổn định tài chính vĩ mô (bao gồm sự ổn định kinh tế vĩ mô và ổn định ngành tài chính); sự an toàn và ổn định trong hoạt động của các TCTD; bảo vệ nhà đầu tư; cuối cùng, nâng cao hiệu suất thị trường tài chính. Trong nghiên cứu này, tác giả chấp nhận bốn mục tiêu này khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu GSTC, tính toán chỉ số GSTC tổng hợp và phân tích tình hình GSTC Việt Nam.

2.1. Ổn định tài chính vĩ mô

Phản ánh trạng thái ổn định tài chính vĩ mô chủ yếu thông qua 1 số chỉ tiêu:

- Cán cân thương mại (triệu USD).
- GDP tính theo giá so sánh năm 1994 (tỷ đồng).
- Tỷ lệ lạm phát.
- Dự nợ tiền gửi bằng VND (tỷ đồng).
- Dự nợ cho vay bằng VND (tỷ đồng).

2.2. Sự an toàn và ổn định trong hoạt động của các TCTD

Mục tiêu bảo đảm sự an toàn và ổn định trong hoạt động của các TCTD chủ yếu là phản ánh hiệu quả giám sát rủi ro đối với các TCTD (Demirguc-Kunt và Huizinga, 1999), như chỉ tiêu:

- Tỷ lệ giữa dự nợ cho vay khách hàng trên dự nợ tiền gửi khách hàng.
- Tính thanh khoản (tỷ lệ giữa tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng nhà nước trên tổng tài sản).

Tác giả không sử dụng chỉ tiêu nợ xấu và tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu (căn cứ để tính tỷ lệ này có chỉ tiêu tổng tài sản được điều chỉnh theo rủi ro) vì nhận thấy số liệu báo cáo của các ngân hàng

thương mại (NHTM) về các chỉ tiêu trên không đảm bảo độ tin cậy.

2.3. Bảo vệ nhà đầu tư

Vấn đề của tài chính hiện đại không phải là chỉ quan tâm đến lợi ích của các tập đoàn tài chính mà phải quan tâm đến cả lợi ích của người gửi tiền, nhà đầu tư và người tiêu dùng. Đây là phương châm GSTC mới, hiện đại và nếu cấu trúc lại hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam thì phải dựa vào:

- Chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận của người đầu tư và lãi suất tiền gửi VND.
- Chênh lệch tỷ suất lợi nhuận của người đầu tư và lãi suất tiền vay VND.
- Chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận của người đầu tư và tỷ lệ lạm phát. (1)

2.4 Hiệu suất thị trường tài chính

Hiệu suất của thị trường tài chính được phản ánh qua hai chỉ tiêu cơ bản là:

- ROE (Return on equity): Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn điều lệ/vốn chủ sở hữu.
- H (Herfinddahl Index): phản ánh hiệu quả của kết cấu thị trường tài chính ngân hàng, là chỉ tiêu phản ánh độ tập trung của thị trường (0 < H < 1, H tiến đến 0 là thị trường cạnh tranh hoàn toàn, tiến đến 1 là thị trường bị độc quyền). H = tổng bình phương tài sản của mỗi tổ chức tín dụng chia cho bình phương tổng tài sản của toàn ngành.

Công thức như sau:

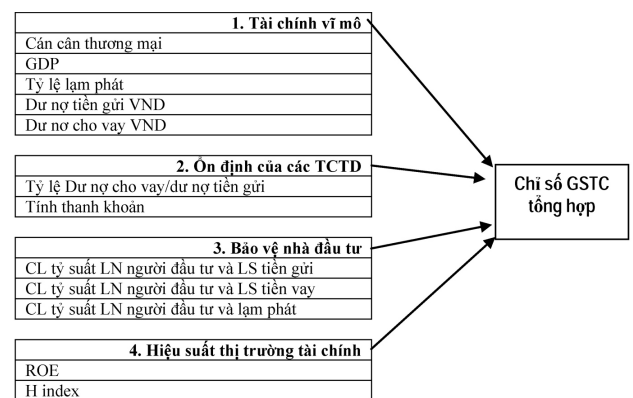
$$H = \sum_{i=1}^n \frac{a_i^2}{A^2}$$

Trong đó:

- ai là tài sản của TCTD thứ i;
- A là tổng tài sản của các TCTD trong ngành.

Từ các mục tiêu trên có thể diễn tả việc xây dựng hệ thống GSTC thành 1 mô hình như Hình 1.

Hình 1: Mô hình thể hiện tính toán chỉ số GSTC tổng hợp



3. Xây dựng chỉ số GSTC tổng hợp từ hệ thống chỉ tiêu GSTC Việt Nam

3.1. Nguồn số liệu

Để tính toán các chỉ tiêu trên, tất nhiên cần phải tiến hành thu thập và chỉnh lý số liệu, tác giả sử dụng số liệu tổng hợp có liên quan từ năm 2003-2008. Trong đó:

- Cán cân thương mại, GDP tính theo giá so sánh năm 1994, tỷ lệ lạm phát, dư nợ tiền gửi bằng tiền đồng, dư nợ cho vay bằng tiền đồng, lãi suất tiền gửi và lãi suất tiền vay.

- Tổng tài sản, dư nợ cho vay khách hàng, dư nợ tiền gửi khách hàng, vốn điều lệ, tiền mặt và tiền gửi tại ngân hàng nhà nước (NHNN), lợi nhuận ròng..., tác giả tự tính trên cơ sở tập hợp các báo cáo tài chính của 21 NHTM Việt Nam lấy làm mẫu tiêu biểu cho toàn ngành ngân hàng.

- Tỷ suất lợi nhuận của nhà đầu tư dùng tỷ lệ tăng trưởng của chỉ số VN Index.

3.2 Phương pháp

Từ số liệu của 12 chỉ tiêu chi tiết của bốn nhóm mục tiêu của GSTC qua 6 năm từ 2003 đến 2008, trước hết chuẩn hóa các số liệu này về cùng một đơn vị tính là độ lệch chuẩn. Sau đó tiến hành phân tích nhân tố trên 12 biến số này để tổng hợp thành 4 chỉ số thành phần phản ánh 4 mục tiêu của hệ thống GSTC. Lưu lại các chỉ số thành phần thành 4 biến mới. Sau đó tính ra chỉ số GSTC tổng hợp từ các chỉ số thành phần và trọng số của từng thành phần. Trọng số của từng chỉ số thành phần khi tính chỉ số GSTC tổng hợp là phần biến thiên của tất cả các chỉ tiêu chi tiết của bốn nhóm mục tiêu được giải thích bởi từng nhân tố đại diện cho từng chỉ số thành phần (Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3, Bảng 4, Hình 2).

4. Kết quả

Từ Bảng 2 có thể thấy tầm quan trọng của từng chỉ số thành phần trong chỉ số GSTC tổng hợp (trọng số) chính là tỉ lệ biến thiên của toàn bộ các chỉ tiêu dùng để GSTC được giải thích bởi từng nhân tố thành phần (chỉ số thành phần) rút trích được. Cụ thể, thành phần 1 (chỉ tiêu ổn định tài chính vĩ mô) có trọng số là 0,48274 (48,274%), thành phần 2 (chỉ tiêu bảo vệ nhà đầu tư) có

trọng số là 0,3310 (33,10%), thành phần 3 (chỉ tiêu an toàn và ổn định trong hoạt động của các TCTD) có trọng số là 0,15797 (15,797%), và thành phần 4 (chỉ tiêu hiệu suất thị trường tài chính) có trọng số là 0,001748 (1,748%). Bốn nhân tố thành phần đại diện cho 4 nhóm chỉ tiêu của hệ thống GSTC giải thích tổng cộng được 98,93% toàn bộ biến thiên của tất cả các chỉ tiêu chi tiết dùng để đo lường chỉ số GSTC tổng hợp qua các năm quan sát.

Bốn nhân tố thành phần trên có độ hội tụ tương đối rõ, thể hiện qua ma trận các hệ số tải nhân tố (Bảng 3).

Sau khi rút trích tổng hợp thành 4 chỉ số thành phần và lưu lại thành 4 biến mới, chỉ số GSTC tổng hợp được tính từ 4 biến này với trọng số tương ứng như trên. Các trị số của chỉ số GSTC tổng hợp tính được qua các năm thể hiện trong dòng cuối cùng của Bảng 4 và được biểu diễn trong Hình 2.

Kết luận và kiến nghị chính sách

Từ hình 2 có thể thấy trong giai đoạn từ năm 2003-2008, sự thay đổi của các chỉ số GSTC có thể chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1: 2003-2006, chỉ số GSTC đã cải thiện rõ ràng; giai đoạn 2: 2007-2008 chỉ số GSTC đã giảm, đặc biệt là trong năm 2008, cũng đã chứng tỏ rõ ràng tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới tác động nền kinh tế Việt Nam.

Kết hợp giá trị cụ thể các nhân tố thành phần để xem nguyên nhân chủ yếu chỉ số GSTC tăng cao là do thành phần 1 do các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chi phối (chiếm đến trọng số là gần 50%) tăng cao chỉ ngoại trừ năm 2008, đã thể hiện rõ ràng giám sát có tác động tích cực đến sự ổn định và phát triển của tài chính vĩ mô, đây cũng là mục tiêu quan trọng nhất của GSTC. Nhưng sự tăng

Bảng 1: Kết quả Thống kê mô tả

	Descriptive Statistics				
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Cán cân thương mại (triệu USD)	6	-1.85E4	-4314.00	-8.7517E3	6006.47316
GDP (tỷ đồng), theo giá SS 1994	6	3.33E5	4.85E5	4.0690E5	58051.95590
Tỷ lệ lạm phát	6	3.20	19.90	9.9100	5.73887
Dư nợ tiền gửi VND (tỷ đồng)	6	2.29E5	9.59E5	5.4756E5	2.98371E5
Dư nợ cho vay VND (tỷ đồng)	6	2.44E5	1.06E6	5.9042E5	3.15711E5
Tỷ lệ Dư nợ cho vay/dư nợ tiền gửi	6	86.11	102.23	93.2067	5.93749
Tính thanh khoản	6	6.03	8.84	7.2650	1.11500
CL tỷ suất LN người đầu tư và LS tiền gửi	6	-84.77	135.61	18.5250	71.99585
CL tỷ suất LN người đầu tư và LS tiền vay	6	-88.03	132.25	15.6733	72.01891
CL tỷ suất LN người đầu tư và lạm phát	6	-87.43	137.05	18.2900	72.81858
ROE	6	15.23	24.52	19.0433	3.93640
H index	6	.127	.195	.16383	.030877
Valid N (listwise)	6				

Bảng 2: Tổng phương sai giải thích được của phân tích nhân tố

Component	Total Variance Explained								
	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	7.233	60.273	60.273	7.233	60.273	60.273	5.793	48.274	48.274
2	3.601	30.010	90.283	3.601	30.010	90.283	3.973	33.110	81.384
3	.868	7.231	97.514	.868	7.231	97.514	1.896	15.797	97.181
4	.170	1.415	98.930	.170	1.415	98.930	.210	1.748	98.930
5	.128	1.070	100.000						
6	2.689E-16	2.241E-15	100.000						
7	1.167E-16	9.721E-16	100.000						
8	1.465E-17	1.221E-16	100.000						
9	-5.970E-17	-4.975E-16	100.000						
10	-9.146E-17	-7.622E-16	100.000						
11	-3.162E-16	-2.635E-15	100.000						
12	-5.697E-16	-4.748E-15	100.000						

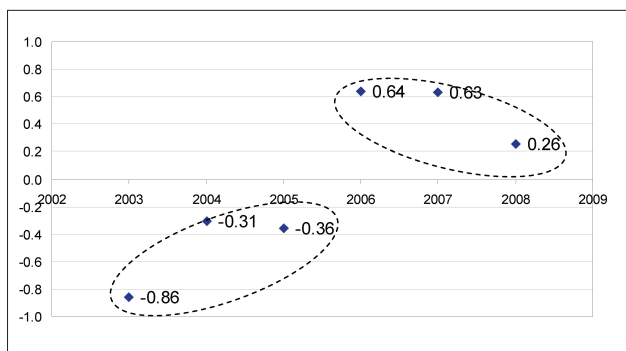
Bảng 3: Ma trận các hệ số tải nhân tố

	Rotated Component Matrix*			
	1	2	3	4
Zscore: Cán cân thương mại (triệu USD)	-.867	.415	-.149	-.200
Zscore: GDP (tỷ đồng), theo giá SS 1994	.937	-.012	.334	-.045
Zscore: Tỷ lệ lạm phát	.870	-.347	.197	.113
Zscore: Dự nợ tiền gửi VND (tỷ đồng)	.955	-.101	.274	.027
Zscore: Dự nợ cho vay VND (tỷ đồng)	.947	-.160	.276	.022
Zscore: Tỷ lệ dự nợ cho vay/dự nợ tiền gửi	-.485	-.162	-.836	.191
Zscore: Tính thanh khoản	.429	-.013	.889	.155
Zscore: CL tỷ suất LN người đầu tư và LS tiền gửi	-.247	.963	.048	-.088
Zscore: CL tỷ suất LN người đầu tư và LS tiền vay	-.252	.962	.042	-.088
Zscore: CL tỷ suất LN người đầu tư và lạm phát	-.282	.953	.059	-.086
Zscore: ROE	.266	.926	-.044	.258
Zscore: H index	-.950	.016	-.271	.060

Bảng 4 : Kết quả tính toán chỉ số GSTC tổng hợp từ các chỉ số thành phần và trọng số tương ứng

	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Tính phần 1 (trọng số 0.4827)	-1.3257669	-0.4573859	-0.40379262	-0.17995967	1.3187049	1.04820022
Tính phần 2 (trọng số 0.3311)	-0.7876254	0.27577124	-0.26178781	1.587461267	0.4249195	-1.2387388
Tính phần 3 (trọng số 0.1580)	0.22534422	-1.2592359	-0.29410125	1.26103844	-0.8842891	0.95124356
Tính phần 4 (trọng số 0.0175)	0.15742926	1.24279423	-1.7186931	0.122111618	-0.3722373	0.56859534
Chỉ số GSTC tổng hợp	-0.8623711	-0.3066827	-0.35813377	0.640122919	0.6309979	0.25606674

Hình 2: Biến thiên chỉ số GSTC tổng hợp từ năm 2003-2008



cao của chỉ số GSTC tổng thể cũng không che dấu được một số vấn đề cục bộ như ngoài thành phần 1 ra, giá trị của 3 thành phần còn lại không ổn định (thành phần 2 là nhóm các chỉ tiêu bảo vệ nhà đầu tư, thành phần 3 là nhóm các chỉ tiêu sự an toàn và ổn định trong hoạt động của các TCTD) qua các năm. Điều này cũng biểu thị rõ GSTC đã xuất hiện hiện tượng bên trọng bên

khinh, là điểm mà GSTC nước ta phải chú ý trong nền tài chính hiện đại.

Từ kết luận trên tác giả đề xuất một số kiến nghị:

- Đầu tiên, xác định rõ ràng mục tiêu của GSTC, đó là tiền đề của việc thực hiện giám sát có hiệu quả. GSTC vừa phải bảo đảm việc thực hiện có hiệu quả chính sách tiền tệ điều tiết vĩ mô, lại vừa phải phòng ngừa và hóa giải rủi ro tài chính, bảo hộ quyền lợi người gửi tiền. Như chúng ta đã biết, trong quá trình thực hiện các mục tiêu này sẽ có sự xung đột giữa chính sách tiền tệ và giám sát ngân hàng, sẽ làm giảm hiệu quả giám sát ngân hàng. Giữa các mục tiêu cụ thể trên vừa độc lập nhưng lại vừa liên hệ chặt chẽ, ảnh hưởng lẫn nhau. Do vậy, trong quá trình thực hiện thực tế rất khó đạt được ngay cả đối với những nước phát triển có một hệ thống GSTC khá hoàn thiện.

- Qua phân tích thực chứng ở trên cũng đã cho thấy thời gian vừa qua, đã có hiện tượng bên trọng bên khinh các mục tiêu cụ thể của GSTC, đồng thời chỉ số GSTC không ổn định và giảm xuống trong giai đoạn năm 2007-2008. Một trong những lý do trên là cấu trúc tổ chức của hệ thống thanh tra giám sát của

NHNN Việt Nam rất phân tán, và thiếu tính liên kết, đi ngược lại khuynh hướng của một hệ thống thanh tra giám sát ngân hàng hiện đại, tập trung (điều kiện tiên quyết cho việc giám sát ngân hàng hiệu quả là cơ quan thanh tra giám sát phải hoạt động độc lập tương đối và với nguồn lực đầy đủ). Do vậy, tác giả đề xuất cần phải cải cách tổ chức và cơ cấu bộ máy của hệ thống thanh tra giám sát ngân hàng, nhưng để tránh những cú sốc của cải cách gây ra cho nền kinh tế, và công cuộc cải cách cũng phải từng bước phù hợp với hiện trạng nền kinh tế nước ta, đồng thời với nguyên tắc là cải cách để nhằm tăng cao hiệu quả nhưng với một chi phí phù hợp thấp nhất. Nên trước mắt xây dựng một ủy ban giám sát hệ thống TCTD tại NHNN theo dạng Tổng cục trực thuộc NHNN. Sau này, khi nền tài chính nước ta phát triển ở một trình độ cao, có thể là đến năm 2015 sẽ tách chức năng giám sát ngân hàng ra khỏi NHNN, chuyển về cho Ủy ban GSTC quốc gia (Ủy ban



GSTC Quốc gia đã thành lập từ tháng 03 năm 2008, hiện nay chỉ là cơ quan tham mưu cho Thủ tướng về hoạt động thanh tra giám sát. Thủ tướng mới giao cho Ủy ban này giám sát rủi ro tổng thể hợp nhất nhưng không can thiệp trực tiếp vào từng định chế tài chính), để sau này Ủy ban sẽ thực hiện việc thanh tra giám sát tổng hợp cả ngành ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm. Điều này cũng phù hợp với thông báo kết luận số 191 – TB/TW của Bộ Chính trị về mục tiêu, giải pháp phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Bộ Chính trị đã khẳng định: “Nghiên cứu xây dựng hệ thống thanh tra trực thuộc NHNN và về lâu dài có thể trực thuộc Chính phủ để làm nhiệm vụ thanh tra cho cả lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.”

– Phân định rành mạch hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên trong mạng an toàn tài chính quốc gia: NHNN, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban GSTC quốc gia, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam... cũng như quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ quan này.

– Cải tiến phương thức giám sát. Hiện nay các quốc gia phát triển trên thế giới đều đã xây dựng việc giám sát rủi ro. Phương thức giám sát của nước ta cũng nên tiến hành chuyển sang giám sát rủi ro: từ chỉ xem trọng giám sát tính hợp quy nghiệp vụ đơn thuần hướng theo chú trọng cả giám sát rủi ro, phát triển theo hướng lấy giám sát rủi ro làm chủ yếu. Xây dựng một hệ thống chỉ tiêu GSTC khoa học, sử dụng công nghệ hiện đại, thực hiện tốt việc dự báo và cảnh báo sớm rủi ro.

– Tăng cường hợp tác quốc tế về GSTC. Đối với các ngân hàng xuyên quốc gia, phương pháp giám sát thông thường là: cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài phụ trách việc thực hiện giám sát tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu, năng lực thanh toán...; cơ quan giám sát của nước sở tại sẽ phụ trách việc giám sát chất lượng tài sản, tính thanh khoản và quản lý nội bộ... của chính ngân hàng con đặt tại quốc gia đó. Đồng thời hai cơ quan giám sát nhà nước trên phải tiến hành hợp tác và giao lưu thông tin định kỳ liên quan đến mục tiêu, nguyên tắc, nội dung phương pháp giám sát, cũng như những vấn đề thực tế phát sinh trong giám sát.

Kết quả nghiên cứu đã phản ánh hiện trạng GSTC ngân hàng của nước ta trong thời gian qua.



Trong các chỉ tiêu mà tác giả lựa chọn đều có ảnh hưởng rõ ràng đến chỉ số GSTC, từ đó đã kiểm nghiệm các chỉ tiêu lựa chọn là hợp lý. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, GSTC đã trở thành một vấn đề hết sức phức tạp, trong đó vấn đề cốt lõi là: thể chế GSTC hiện có của nước ta có khả năng thích ứng được với những thách thức từ toàn cầu hóa tài chính mang lại hay không, có thể bảo đảm cho hệ thống tài chính vận hành an toàn và hiệu quả hay không. Đây là vấn đề mà giới nghiên cứu lý luận và những người làm công tác thực tiễn cần nghiên cứu và giải quyết ■

Tài liệu tham khảo

- ¹ Báo cáo thường niên ngành ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- ² Báo cáo tài chính của 21 ngân hàng thương mại: VCB; Vietinbank; BIDV; Agribank; MHB; ACB; STB; EIB; TCB; EAB; MB; SGB; VIB; OCB; PNB; VPB; NAB; HDB; ABB; GDB; SCB.
- ³ Demircuc-Kunt và Huizinga (1999) “Market discipline and financial safety net design”, Finance, Policy Research Working Paper, Development Research Group, The World Bank.
- ⁴ Diệp Vinh Cường và Trương Bồi (2009) “Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu GSTC Trung Quốc” Tạp chí nghiên cứu tài chính Trung Quốc, số 4 năm 2009.
- ⁵ Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 03 năm 2008 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc thành lập Ủy ban GSTC Quốc gia.